TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 184/2026/QĐST-HNGĐ	*Phú Thọ, ngày 15 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 227/2026/TLST/HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026; giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Vũ Văn H, sinh ngày 17 tháng 07 năm 1960

Căn cước số: 001060002xxx

Nơi cư trú: Thôn Th, xã Ứng H, TP Hà Nội

- *Bị đơn:* Chị Phan Thị B, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1981

Căn cước số: 017181002xxx

Nơi cư trú: Khu Đ, xã K, tỉnh Phú Thọ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4, 5 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a, d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và hoà giải thành của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Vũ Văn H và chị Phan Thị B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ Hôn nhân: Anh Vũ Văn H và chị Phan Thị B thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Xác nhận anh Vũ Văn H và chị Phan Thị B có 01 con chung

Vũ Phan Yến Nh, sinh ngày 28/12/2005 đã thành niên phát triển bình thường, nên không đề cập về cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung gồm:* Thửa đất số 24; tờ bản đồ số 12; Địa chỉ: Khu Đoàn K, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình (Nay là khu Đoàn K, xã K, tỉnh Phú Thọ); Diện tích: 59,2m^2; Mục đích sử dụng: Đất ở đô thị. Trên thửa đất có 01 nhà 02 tầng diện tích 120m^2.

- *Anh Vũ Văn H và chị Phan Thị B thỏa thuận phân chia tài sản chung và yêu cầu Tòa án ghi nhận như sau:*

+ Chị Phan Thị B sở hữu và sử dụng thửa đất số 24; tờ bản đồ số 12; Địa chỉ: Khu Đoàn K, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình (Nay là khu Đoàn K, xã K, tỉnh Phú Thọ); Diện tích: 59,2m^2; Mục đích sử dụng: Đất ở đô thị. Trên thửa đất có 01 nhà 02 tầng diện tích 120m^2;

+ Chị Phan Thị B thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh Vũ Văn H là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Xác nhận ngày 16/4/2026 chị Phan Thị B đã trả cho anh Vũ Văn H số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

- *Về nợ chung:* Không có.

- Về án phí: Anh Vũ Văn H được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm, trả lại anh Vũ Văn H 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số: 0003598 ngày 21/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ; chị Phan Thị B phải chịu 75.000đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND Khu vực 13 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Cao Dương;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Kiều Quang Dự